

**CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN
THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 1508-1/2023/CV-AAT

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa

- Mã chứng khoán: AAT

- Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, P. Bắc Sơn, TX. Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại liên hệ: (84-237) 3770.304 Fax: (84-237) 3772.064

- E-mail: congtytiensonth@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023.

- Công văn giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính bán niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/8/2023 tại đường dẫn <http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023.

- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Đại diện tổ chức

Người được UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Trang

Số: 15.08/2023/CV-AAT

(V/v: Giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận
Báo cáo tài chính bán niên năm 2023)

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị: Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa.
Mã chứng khoán: AAT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800222245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 22/07/1995, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 12/05/2022

Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0237. 3770 304 Fax: 0237. 3772 064

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về các nội dung trong công văn như sau:

Tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1/ Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	110.608.849.573	1.872.853.276	(98.31%)
Lợi nhuận sau thuế	88.345.551.854	1.313.541.880	(98.51%)

2/ Nguyên nhân:

6 tháng đầu năm 2022 Công ty phát sinh doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư (giá chuyển nhượng Nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn 280.9 tỷ, lợi nhuận gộp từ hoạt động này là 105 tỷ); 6 tháng đầu Năm 2023 công ty không phát sinh chuyển nhượng bất động sản, Mặt khác do lạm phát, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp nhiều khó khăn; ngành may mặc chịu tác động suy giảm các đơn hàng cả về số lượng và đơn giá trong khi giá vốn không giảm tương ứng, mặt khác chi phí lãi vay tăng; Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 50,13% so với 6 tháng đầu năm 2022 dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 98,51% so với 6 tháng đầu năm 2022. Đây là một số nguyên nhân chính dẫn đến LNST của Công ty giảm so với 6 tháng đầu năm 2022.

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT ./.

PCT THƯỜNG TRỰC HĐQT



Trịnh Xuân Lượng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Trang
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	02 - 03
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	04
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 40
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	07
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	08
	09 - 40

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công Ty") tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty có phần số 2300222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/05/2022. Theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi này, Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa.

Trụ sở chính của Công ty: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch
Ông: Trịnh Xuân Lượng	Phó chủ tịch thường trực
Ông: Trịnh Văn Dương	Thành viên
Ông: Lê Văn Ngọc	Thành viên
Ông: Lương Văn Quyết	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Văn Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/05/2023
Ông: Trịnh Xuân Lượng	Nguyên Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/05/2023
Ông: Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Tống Anh Linh	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 22/05/2023
Bà: Trần Thị Hà	Phó Giám đốc Tài chính	
	kiểm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22/05/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Đinh Bộ Lễ	Trưởng ban
Ông: Trịnh Văn Tâm	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Giang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trịnh Xuân Lượng
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2023



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

☎ Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
☎ 08 2509 2007 ☎ 0102374170 ✉ asco@asco.vn www.asco.vn



Số: 99 /2023/ASCO/BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa được lập ngày 15 tháng 07 năm 2023, từ trang 05 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần



Lê Minh Tâm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

4557-2019-149-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã	TÀI SẢN	Thuyết	30/06/2023	01/01/2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		427.105.037.836	443.749.376.517
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	10.157.559.631	15.812.579.609
111	1. Tiền		10.157.559.631	15.812.579.609
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	1.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		391.854.338.462	412.319.618.339
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	132.730.826.454	118.310.020.093
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	172.311.424.051	239.453.952.946
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	36.900.000.000	36.900.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	51.741.790.424	19.485.347.767
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	09	(1.829.702.467)	(1.829.702.467)
140	IV. Hàng tồn kho	10	22.992.670.150	14.106.487.540
141	1. Hàng tồn kho		24.624.401.737	15.738.219.127
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.631.731.587)	(1.631.731.587)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.100.469.593	510.691.029
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.977.410.634	387.632.070
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	123.058.959	123.058.959
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		594.636.221.762	609.696.511.311
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		31.544.164.742	66.450.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	31.544.164.742	66.450.000.000
220	II. Tài sản cố định		169.929.584.180	180.167.384.612
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	157.247.721.695	173.366.191.934
222	- Nguyên giá		356.873.541.605	365.278.296.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(199.625.819.910)	(191.912.104.363)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	5.945.808.579	-
225	- Nguyên giá		6.257.540.771	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(311.732.192)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	6.736.053.906	6.801.192.678
228	- Nguyên giá		7.278.877.000	7.278.877.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(542.823.094)	(477.684.322)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	304.722.325.433	272.532.909.484
231	- Nguyên giá		388.176.371.727	344.585.433.284
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83.454.046.294)	(72.052.523.800)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	5.931.923.000	5.931.923.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.931.923.000	5.931.923.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	67.322.000.000	67.322.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		67.322.000.000	67.322.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.186.224.407	17.292.294.215
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	15.186.224.407	17.292.294.215
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.021.741.259.598</u>	<u>1.053.445.887.828</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023		01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		288.945.653.376		321.963.823.486	
310	I. Nợ ngắn hạn		163.801.315.604		167.802.370.607	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	11.892.465.447		7.794.628.305	
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	3.339.664.000		3.380.749.000	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	8.712.060.057		29.241.422.426	
314	4. Phải trả người lao động		3.963.812.000		3.438.921.896	
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	20	-		880.636.741	
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	135.792.221.270		122.964.919.409	
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		101.092.830		101.092.830	
330	II. Nợ dài hạn		125.144.337.772		154.161.452.879	
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	44.939.363.709		44.939.363.709	
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	80.204.974.063		109.222.089.170	
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		732.795.606.222		731.482.064.342	
410	I. Vốn chủ sở hữu		732.795.606.222		731.482.064.342	
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		638.014.890.000		638.014.890.000	
411a	<i>Có đóng góp thông có quyền biểu quyết</i>		638.014.890.000		638.014.890.000	
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(210.000.000)		(210.000.000)	
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		439.500.000		439.500.000	
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.000.000		18.000.000	
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.533.216.222		93.219.674.342	
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		93.219.674.342		4.191.538.078	
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		1.313.541.880		89.028.136.264	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.021.741.259.598		1.053.445.887.828	

Người lập biểu

Chung

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà

Trần Thị Hà



Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
			(6 tháng đầu năm 2023)	VND	(6 tháng đầu năm 2022)	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	287.834.170.091	574.181.519.417		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	235.891.200	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	#REF!	287.598.278.891	574.181.519.417		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	263.889.957.514	445.696.067.270		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	23.708.321.377	128.485.452.147		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	908.796.168	153.230.230		
22	7. Chi phí tài chính	27	12.455.556.051	9.142.567.462		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.157.956.471	7.979.922.548		
25	8. Chi phí bán hàng	28	3.241.462.518	636.918.884		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	6.369.908.395	7.542.707.433		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.550.190.581	111.316.488.598		
31	11. Thu nhập khác	30	556.619.609	-		
32	12. Chi phí khác	31	1.233.956.914	707.639.025		
40	13. Lợi nhuận khác		(677.337.305)	(707.639.025)		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.872.853.276	110.608.849.573		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	559.311.396	22.263.297.719		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.313.541.880	88.345.551.854		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	21	1.385		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	21	1.385		

Người lập biểu

Chuong

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà

Trần Thị Hà



Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này (6 tháng đầu năm 2023)	Kỳ trước (6 tháng đầu năm 2022)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		278.752.360.564	255.245.708.311
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác		(269.374.736.192)	(381.239.513.186)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.773.039.896)	(24.626.272.058)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(12.157.956.471)	(7.977.586.206)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.091.234.995)	(6.847.827.954)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.148.403.106	43.412.420.598
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.580.199.447)	(163.045.296.099)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		8.923.596.669	(285.078.366.594)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(100.428.517.646)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		6.257.540.782	299.358.188.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	3.103.660.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		908.796.168	96.130.371
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		8.166.336.950	202.129.460.725
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		112.825.875.471	165.730.497.749
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(133.729.981.015)	(139.704.089.276)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.779.488.168)	
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(22.683.593.712)	26.026.408.473
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.593.660.093)	(56.922.497.396)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.812.579.609	90.202.549.908
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(61.359.885)	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	10.157.559.631	33.280.052.512

Người lập biểu

Chuy

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà

Lê Thị Hương

Trần Thị Hà



Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công Ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/05/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ của Công ty là: 638.014.890.000 (Sáu trăm ba mươi tám tỉ, không trăm mười bốn triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng chẵn). đồng; tương đương 63.801.489 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất;

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng sơn mài mỹ nghệ

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

Nhân viên

Tại ngày 30/06/2023, công ty có 950 lao động. Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 01/01/2023 là 978 lao động

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc: Địa chỉ Hoạt động kinh doanh chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN Số 99 Nguyễn Hữu Thọ, Phường
THANH HÓA – CHI NHÁNH Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, Thương mại
TÂY NGUYỄN tỉnh Đắk Lắk, Việt nam.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty xem tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Chi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu của các khoản cho vay khó đòi được lập căn cứ vào mức tồn thất hoặc suy giảm dự kiến có thể xảy ra.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuế tài chính

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng

Tài sản cố định thuế tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuế. Tài sản cố định thuế tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính (Không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuế tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuế tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuế theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuế tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa cả cá khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần, thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

d) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
 Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
 thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.195.277.008	14.757.898.340
Tiền gửi thanh toán	3.962.282.623	1.054.681.269
	10.157.559.631	15.812.579.609

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000
	-	1.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào liên kết

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
Công ty cổ phần Lương Phát	67.322.000.000	-
	67.322.000.000	67.322.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Lương Phát	42,08%	42,08%

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGÁN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
a) Chi tiết cho khách hàng có số dư lớn	123.524.997.229	(649.338.293)
Công ty Max International INC	7.269.939.080	9.770.653.230
Công ty TNHH May Sumec việt nam	4.511.619.327	4.511.619.327
Công ty TNHH TAV	-	2.616.173.127
Công ty TNHH Tainan Enterprises (Việt Nam)	-	252.553.594
Công ty Cổ phần XNK May Anh Vũ	4.886.398.040	2.853.795.117
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển MTC Việt Nam	10.887.145.337	6.898.145.167
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư và Phát triển Thương mại Hùng Phát	-	36.202.105.952

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Công ty Cổ phần xuất khẩu Quang Minh Phát	20.958.775.880	5.376.099.470
CN số 02- Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ	2.080.237.600	5.691.537.600
Công ty CP đầu tư Hà nội Phố	14.452.649.010	2.748.616.478
Công ty TNHH Nông Sản Cảnh Ngọc	55.233.763.401	29.360.863.913
Nhóm Khách hàng khác	3.244.469.554	2.822.027.893
	(649.338.293)	(649.338.293)
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	9.205.829.225	9.205.829.225
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	7.799.729.225	7.799.729.225
Công ty Cổ phần May Tatsu	1.308.000.000	1.308.000.000
Công ty cổ phần Great Vina	98.100.000	98.100.000
	132.730.826.454	118.310.020.093
	(649.338.293)	(649.338.293)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN .

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
a) Chi tiết cho khách hàng có số dư lớn	56.466.613.408	40.551.510.005
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Mỹ	10.110.141.050	19.972.428.907
Công ty Cổ phần Highland Sourcing		3.380.103.638
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Thương mại Phát Đạt	38.428.803.965	9.494.531.700
Công ty TNHH TMV Cà phê Tuy Đức Đắk Nông	7.927.668.393	7.704.445.760
Các đối tượng khác	(1.180.364.174)	(1.180.364.174)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	115.844.810.643	198.902.442.941
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	29.315.936	3.549.373.508
Công ty Cổ phần Lương Phát	52.786.757.849	115.872.326.012
Công ty Cổ phần Great Vina	-	10.297.293.416
Công ty Cổ phần Victory Việt Nam	15.353.925.292	22.933.925.292
Công ty Cổ phần May Tatsu	47.674.811.566	46.249.524.713
	172.311.424.051	239.453.952.946

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Nguyễn Thị Mai(1)	14.900.000.000	-	14.900.000.000	-
Bà Hoàng Thị Dung(2)	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
	36.900.000.000	-	36.900.000.000	-

- 1 Hợp đồng vay số 23.12/2022 ngày 23/12/2022, kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn ngày 30/06/2023, lãi suất 0,48%/tháng, không có tài sản đảm bảo. Đến thời điểm 30/06/2023 số tiền này chưa thu lại.
- 2 Hợp đồng vay số 25.12/2022 ngày 25/12/2022, kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn ngày 30/06/2023, lãi suất 0,48%/tháng, không có tài sản đảm bảo.. Đến thời điểm 30/06/2023 số tiền này chưa thu lại.

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	51.712.347.769	-	19.485.347.767	-
Các khoản khác	29.442.655	-	-	-
	51.741.790.424	-	19.485.347.767	-

b) Dài hạn

Đặc cọc, ký cược				
Công ty cổ phần Lương Phát(i)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Victory Việt Nam	100.000.000	-	2.450.000.000	-
Công ty Cổ Great Vina[iii]	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Mua bất động sản [iii]	2.100.000.000	-	35.000.000.000	-
Bà Mai Thị Hiền	1.100.000.000	-	10.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Minh An			10.000.000.000	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	1.000.000.000		15.000.000.000	
Công ty cho thuê tài chính	344.164.742	-	-	-
	31.544.164.742	-	66.450.000.000	-

[i] Số dư 15 tỉ đồng chuyển cho Công ty Cổ phần Lương Phát (Công ty liên kết) bằng tiền mặt, căn cứ vào văn bản thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Quý Lộc theo Hợp đồng nguyên tắc số 2502/2020/TS-LP-XDCT ngày 25/02/2020. Theo đó, số tiền này được dùng để thanh toán cho giá trị xây dựng công trình Nhà máy Quý Lộc nếu Công ty Cổ phần Tiên Sơn không thanh toán đúng hạn. Thời hạn của khoản ký quỹ này cho đến khi công trình Nhà máy Quý Lộc quyết toán xong. Khoản ký quỹ không được hưởng lãi

[ii] Giá trị đặt cọc theo Hợp đồng mua bán thiết bị số 07112/2021/HĐMB/TS-Great Vina ngày 07/12/2021.

[iii] Đặt cọc mua bất động sản theo Hợp đồng đặt cọc ngày 20/06/2022 được ký bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và một bên là Ông Lê Văn An, theo đó, Công ty thực hiện đặt cọc để giao kết hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản là quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất tại Xóm Sóng, xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Giấy CNQSDĐ và tài sản gắn liền đất số DC966078 do Sở TNMT tỉnh Hòa Bình cấp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

9. NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
+ Phải thu khách hàng	649.338.293	-	649.338.293	-
Công ty TNHH Dệt May Dowon VN	139.397.600	-	139.397.600	-
Công ty FD APPAREL	219.851.462	-	219.851.462	-
Công ty TNHH SX TMDV Thời trang Queen	290.089.231	-	290.089.231	-
+ Trả trước cho người bán	1.180.364.174	-	1.180.364.174	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây lắp	48.444.960	-	48.444.960	-
Công ty TNHH SX và TM Hà Đức	129.300.000	-	129.300.000	-
Công ty Cổ phần điện Máy Đông Anh	271.303.000	-	271.303.000	-
Công ty Cổ phần và Văn tài Ruby	556.316.214	-	556.316.214	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân	175.000.000	-	175.000.000	-
	1.829.702.467	-	1.829.702.467	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	880.036.000	(538.221.000)	880.036.000	(538.221.000)
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	3.616.996.447	-	-	-
- Thành phẩm	15.731.063.524	-	10.461.877.361	-
- Hàng hóa	4.396.305.766	(1.093.510.587)	4.396.305.766	(1.093.510.587)
	24.624.401.737	(1.631.731.587)	15.738.219.127	(1.631.731.587)

Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp

1.631.731.587

-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Xem Phụ lục 01)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
- Tăng trong kỳ	6.257.540.771	-	-	-	6.257.540.771
Số dư cuối kỳ	6.257.540.771	-	-	-	6.257.540.771

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm

- Khấu hao trong
kỳ

311.732.192

-

-

-

311.732.192

Số dư cuối kỳ

311.732.192

-

-

-

311.732.192

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối kỳ

-

-

-

-

-

5.945.808.579

-

-

-

5.945.808.579

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử	Quyền	Bản quyền,	TSCĐ VH khác	Cộng
	dùng đất	phát hành	bảng sáng chế	VND	
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.513.877.000	-	-	765.000.000	7.278.877.000
Số dư cuối kỳ	6.513.877.000	-	-	765.000.000	7.278.877.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	477.684.322	-	-	-	477.684.322
- Khấu hao trong kỳ	65.138.772	-	-	-	65.138.772
Số dư cuối kỳ	542.823.094	-	-	-	542.823.094
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.036.192.678	-	-	765.000.000	6.801.192.678
Tại ngày cuối kỳ	5.971.053.906	-	-	765.000.000	6.736.053.906

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản Vay cuối kỳ 5.971.053.906
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: -

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà và Quyền	Quyền sử dụng	Cộng
	sử dụng đất	đất	
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	343.012.782.284	1.572.651.000	344.585.433.284
- Mua trong kỳ	43.590.938.443	-	43.590.938.443
Số dư cuối kỳ	386.603.720.727	1.572.651.000	388.176.371.727

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	72.021.070.780	31.453.020	72.052.523.800
- Khấu hao trong kỳ	11.385.795.984	15.726.510	11.401.522.494
Số dư cuối kỳ	83.406.866.764	47.179.530	83.454.046.294

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	270.991.711.504	1.541.197.980	272.532.909.484
Tại ngày cuối kỳ	303.196.853.963	1.525.471.470	304.722.325.433

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 304.990.517.926 đồng

15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

Khu Dịch vụ 65 Nguyễn Huệ - Bim Sơn	957.250.000	957.250.000
Khu Nhà xưởng+Dvụ tại Bim Sơn	2.638.000.000	2.638.000.000
Nhà máy May Kim Tân	1.526.000.000	1.526.000.000
Nhà kho Phụ liệu - May XK Sơn Hà	385.673.000	385.673.000
Công trình Cải tạo Nhà ăn ca công nhân may SH	425.000.000	425.000.000
	5.931.923.000	5.931.923.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	7.167.514.022	8.920.932.941
Chi phí giải phóng mặt bằng nhà máy Triệu Sơn	3.559.379.170	3.600.607.498
Chi phí giải phóng mặt bằng nhà máy Quý Lộc	4.453.016.207	4.500.642.047
Chi phí trả trước khác	6.315.008	270.061.729
	15.186.224.407	17.292.294.215

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Trần Hiếu	3.809.804.272	3.570.013.891
Công ty cổ phần Dầu tư Minh Thăng	4.558.770.000	-
Nhóm Nhà cung cấp khác	3.523.891.175	4.224.614.414
	11.892.465.447	7.794.628.305

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Số có khả năng VND	Số có khả năng VND
Các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Thăng	3.129.664.000	3.129.664.000
Các khoản người mua trả tiền	210.000.000	251.085.000
	3.339.664.000	3.380.749.000

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC (Xem Phụ lục 02)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngán hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	721.833.394
- Bảo hiểm y tế	-	129.930.011
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	28.873.336
	-	880.636.741
a) Dài hạn		
Đặt cọc thuê xưởng		
Công ty TNHH TS Vina	5.254.186.169	5.254.186.169
Công ty TNHH HUG Vina	5.519.133.540	5.519.133.540
Công ty TNHH May SUMEC Việt nam	14.993.884.000	14.993.884.000
Công ty TNHH Lông Hành Thiên Hạ	19.172.160.000	19.172.160.000
	44.939.363.709	44.939.363.709

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Xem chi tiết tại Phụ lục 03)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Xem chi tiết tại Phụ lục 04)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Trịnh Xuân Lâm	75.058.250.000	11,76%	75.528.250.000	11,84%
Ông Trịnh Xuân Lượng	11.323.000.000	1,77%	11.283.400.000	1,77%
Bà Nguyễn Thị Dụ	1.115.000.000	0,17%	1.115.000.000	0,17%
Ông Trịnh Văn Dương	5.018.500.000	0,79%	5.038.500.000	0,79%
Ông Trịnh Xuân Đường	4.460.000.000	0,70%	4.460.000.000	0,70%
Các cổ đông khác	541.040.140.000	84,80%	540.589.740.000	84,73%
	638.014.890.000	100%	638.014.890.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	638.014.890.000	638.014.890.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	638.014.890.000	638.014.890.000
d) Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.801.489	63.801.489
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	63.801.489	63.801.489
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.801.489	63.801.489
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.801.489	63.801.489
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.801.489	63.801.489
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	439.500.000	439.500.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.000.000	18.000.000
	457.500.000	457.500.000

d) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	01/01/2023
- Đô la Mỹ	USD	15.648,19
		107.502,05

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động gia công	60.572.155.853	62.435.773.268
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	20.108.276.000	20.434.406.000
Hoạt động kinh doanh Khách sạn	28.627.270	56.612.961
Hoạt động thương mại hàng nông sản	207.077.908.301	209.771.346.237
Hoạt động may khâu trang	-	1.500.000
Hoạt động bất động sản đầu tư	-	280.957.100.000
Hoạt động khác	47.202.667	524.780.951
	287.834.170.091	574.181.519.417
Trong đó doanh thu với các bên liên quan		
Công ty cổ phần DG Win	35.929.152	-
Công ty Cổ phần May Tatsu	-	600.000.000
Công ty cổ phần Great Vina	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	-	100.431.175
	35.929.152	745.431.175

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Hàng bán bị trả lại	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	235.891.200	-
	235.891.200	-

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động gia công	52.481.748.132	54.878.040.918
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	16.934.077.757	17.791.745.296
Hoạt động kinh doanh KS	31.153.045	19.654.274
Hoạt động thương mại hàng nông sản	194.442.978.580	197.193.675.371
Hoạt động bất động sản đầu tư	-	175.386.594.310
Hoạt động khác	-	426.357.101
	263.889.957.514	445.696.067.270

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	908.796.168	55.286.420
Lãi chênh lệch tỉ giá	-	97.943.810
	908.796.168	153.230.230

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	12.029.468.344	7.979.922.548
Lỗ chênh lệch tỉ giá	297.599.580	1.162.644.914
Lãi thuê tài chính	128.488.127	-
	12.455.556.051	9.142.567.462

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
3.038.359.752	175.454.415
203.102.766	461.464.469
3.241.462.518	636.918.884

Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
3.372.529.814	2.421.178.082
261.584.862	242.084.862
2.027.840.337	3.642.677.868
175.521.604	104.469.698
532.431.778	1.132.296.923
6.369.908.395	7.542.707.433

Chi phí tiền lương
Chi phí khấu hao
Chi phí mua ngoài
Chi phí công cụ
Chi phí bằng tiền khác

30. THU NHẬP KHÁC

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
556.619.609	-
556.619.609	-

Lãi từ nhượng bán tài sản cố định(*)

31. CHI PHÍ KHÁC

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
310.253.210	707.639.025
923.703.704	
1.233.956.914	707.639.025

Chi phí khác
Chi phí ủng hộ

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1.872.853.276	110.608.849.573
923.703.704	707.639.025
923.703.704	707.639.025
2.796.556.980	111.316.488.598
20%	20%
559.311.396	22.263.297.719
559.311.396	22.263.297.719

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

Các khoản điều chỉnh tăng

- *Chi phí không hợp lệ*

Các khoản điều chỉnh giảm

Thu nhập chịu thuế TNDN

Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.313.541.880	88.345.551.854
Các khoản điều chỉnh:	-	-
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.313.541.880	88.345.551.854
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	63.801.489	63.801.489
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.385

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.313.541.880	88.345.551.854
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.313.541.880	88.345.551.854
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	63.801.489	63.801.489
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21	1.385

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	879.575.506	417.660.900
Chi phí nhân công	28.769.493.732	26.856.927.388
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.441.837.567	17.667.249.410
Chi phí công cụ dụng cụ	2.787.141.967	5.328.762.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.191.076.248	21.219.572.676
Chi phí bằng tiền khác	989.224.827	9.805.250.945
	79.058.349.847	81.295.423.906

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	30/06/2023	01/01/2023
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tài sản tài chính		
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
10.157.559.631	-	15.812.579.609
Tiền và các khoản tương đương tiền		
216.016.781.620	(1.829.702.467)	204.245.367.860
Phải thu khách hàng, phải thu khác		
36.900.000.000	-	37.900.000.000
Các khoản cho vay		
Đầu tư ngắn hạn		
-	-	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn		
67.322.000.000	-	67.322.000.000
330.396.341.251	(1.829.702.467)	326.279.947.469
		(1.829.702.467)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	215.997.195.333	232.187.008.579
Phải trả người bán	11.892.465.447	7.794.628.305
Phải trả khác	44.939.363.709	45.820.000.450
	272.829.024.489	285.801.637.334

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 30/06/2023	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.157.559.631	-	-	10.157.559.631
Phải thu khách hàng	182.642.914.411	31.544.164.742	-	214.187.079.153
Các khoản cho vay	36.900.000.000	-	-	36.900.000.000
	229.700.474.042	31.544.164.742	-	261.244.638.784

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
 Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
 thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tại ngày 01/01/2023	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.812.579.609	-	-	15.812.579.609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.965.665.393	66.450.000.000	-	202.415.665.393
Các khoản cho vay, đầu tư ngắn hạn	37.900.000.000	-	-	37.900.000.000
	189.678.245.002	66.450.000.000	-	256.128.245.002

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 30/06/2023	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	135.792.221.270	80.204.974.063	-	215.997.195.333
	11.892.465.447	44.939.363.709	-	56.831.829.156
	147.684.686.717	125.144.337.772	-	272.829.024.489

Tại ngày 01/01/2023

Vay và nợ	122.964.919.409	109.222.089.170	-	232.187.008.579
Phải trả người bán, phải trả khác	8.675.265.046	44.939.363.709	-	53.614.628.755
	131.640.184.455	154.161.452.879	-	285.801.637.334

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	112.825.875.471	165.730.497.749
c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	133.729.981.015	139.704.089.276

38. NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Xem chi tiết tại Phụ lục 05)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Tatsu	Ông Trịnh Xuân Lâm - Chủ tịch HĐQT sở hữu 90% cổ phần tại Tatsu
Công ty Cổ phần Lương Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Great Vina	Ông Trịnh Văn Dương - Phó Tổng Giám đốc sở hữu 60% cổ phần tại Great Vina
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Ông Trịnh Văn Dương - Phó Tổng Giám đốc sở hữu 99,4% cổ phần Tại DG Win
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	Ông Trịnh Xuân Lâm - Chủ tịch HĐQT sở hữu 60% cổ phần, Ông Trịnh Văn Dương- Phó Tổng Giám đốc sở hữu 20% cổ phần tại Tiên Sơn Nga Sơn
Công ty TNHH Victory Việt Nam	Ông Trịnh Văn Dương - Phó Tổng Giám đốc sở hữu 60% cổ phần tại Victory Việt Nam

40.1-Giao dịch phát sinh trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a). Công ty cổ phần May Tatsu		
Hoạt động thuê may gia công		
Giá trị trước thuế	23.786.607.190	14.299.996.885
Thuế VAT	2.378.660.719	1.209.628.724
Tiền đã ứng trước	27.590.554.762	15.100.000.000
Hoạt động cho thuê xưởng		
Giá trị trước thuế	600.000.000	600.000.000
Thuế VAT		-48.000.000
b). Công ty cổ phần Lương Phát		
Hoạt động thuê xây lắp		
Giá trị trước	43.590.938.443	68.909.402.858
Thuế VAT	4.319.629.720	5.512.752.228
Tiền đã trả	2.225.000.000	102.220.000.000
Thu lại tiền đã ứng trước	17.400.000.000	
c). Công ty TNHH Victory Việt Nam		
Hoạt động đi thuê gia công		
Giá trị trước		5.837.668.750
Thuế VAT		529.833.812
Tiền đã trả		18.200.501.749
Thu lại tiền đã ứng trước	7.580.000.000	
d). Công ty Cổ phần DG WIN		
Hoạt động nhận gia công thuê		
Giá trị trước thuế	35.929.152	183.950.200
Thuế VAT	3.592.915	15.246.891
Tiền đã trả	24.111.400	341.651.571
Hoạt động mua hàng		
Giá trị trước thuế		183.950.200
Thuế VAT		15.246.891
Tiền đã trả	55.838.476	341.651.571
Thu lại tiền đã ứng trước	3.549.373.508	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

e) Công ty cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	
Hoạt động cho thuê xưởng	
Giá trị trước	100.431.175
Thuế VAT	10.043.118
Tiền đã thu	
Đ) Công ty cổ phần Great Vina	
Hoạt động cho thuê xưởng	
Giá trị trước	45.000.000
Thuế VAT	3.600.000
Thu lại tiền đã ứng trước	10.297.293.416

40.2-Số dư các bên liên quan		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần DG WIN	9.245.351.292	9.205.829.225
Công ty Cổ phần May Tatsu	39.522.067	
Công ty Cổ phần Great Vina	1.308.000.000	1.308.000.000
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga	98.100.000	98.100.000
	7.799.729.225	7.799.729.225
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	115.844.810.643	198.902.442.941
Công ty Cổ phần Lương Phát	29.315.936	3.549.373.508
Công ty Cổ phần Great Vina	52.786.757.849	115.872.326.012
Công ty Cổ phần Victory Việt Nam	-	10.297.293.416
Công ty Cổ phần May Tatsu	15.353.925.292	22.933.925.292
	47.674.811.566	46.249.524.713
Phải thu khác ngắn hạn		
Ông Trịnh Xuân Lương	31.900.000.002	-
Ông Trịnh Xuân Lâm	31.720.000.002	-
	180.000.000	-
Phải thu khác dài hạn		
Công ty cổ phần Lương Phát	29.100.000.000	29.100.000.000
Công ty TNHH Victory Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ Great Vina	100.000.000	100.000.000
	14.000.000.000	14.000.000.000
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
40.3- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	461.647.162	481.414.018
Chi tiết tại Phụ lục 06)		

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh cho các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Phải trả ngắn hạn khác
Phải trả dài hạn khác

Mã số	Phân loại lại báo cáo năm trước	Đã trình bày trên
	VND	VND
319	44.939.363.709	44.939.363.709
337	44.939.363.709	

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà



21 VAY VÀ NỢ THUẾ TẠI CHÍNH

Phụ lục 03

01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
95.974.583.988	95.974.583.988	113.062.115.166	100.412.356.358	108.624.342.796	108.624.342.796
27.738.613.988	27.738.613.988	45.309.980.432	38.105.256.624	34.943.337.796	34.943.337.796
49.135.970.000	49.135.970.000	37.752.134.734	43.707.099.734	43.181.005.000	43.181.005.000
18.600.000.000	18.600.000.000	-	18.600.000.000	-	-
-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
26.990.335.421	26.990.335.421	13.495.167.710	13.317.624.657	27.167.878.474	27.167.878.474
5.200.000.000	5.200.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
21.790.335.421	21.790.335.421	10.895.167.710	10.717.624.657	21.967.878.474	21.967.878.474
122.964.919.409	122.964.919.409	126.557.282.876	113.729.981.015	135.792.221.270	135.792.221.270
a)					
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn (1)					
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (2)					
Ngân hàng TMCP ngoại thương - CN Thanh hoá					
Ngân hàng TMCP Tiên phong -CN Thanh Hóa (3)					
Công ty Dũng Hùng					
b)					
Nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn (4)					
NHTMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (5)					
c)					
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Công ty thuế tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (6)					
d)					
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn (4)					
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa (5)					
109.222.089.170	109.222.089.170	-	6.257.540.771	80.204.974.063	80.204.974.063
89.722.089.170	89.722.089.170	30.895.167.710	35.274.655.878	58.826.921.460	58.826.921.460
19.500.000.000	19.500.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	16.900.000.000	16.900.000.000
-	-	1.779.488.168	1.779.488.168	4.478.052.603	4.478.052.603
6.257.540.771	6.257.540.771	1.779.488.168	1.779.488.168	4.478.052.603	4.478.052.603

(3) Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Thanh Hóa

Vay theo hợp đồng tín dụng số 24/2023/HĐTD/NSH ngày 13/03/2023

Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND

Thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Mục đích vay Trả lương, mua hàng

Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ

Tài sản đảm bảo gồm + Quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 761565

(4) NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn

Vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 300058003/2022-HĐCVDADT/NHCT424-SON HA MO RONG

Hạn mức tín dụng 30.000.000.000

Thời hạn cho vay 66 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên

Mục đích vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Mở rộng nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà"

Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ

Tài sản gắn liền với đất được ghi tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 044780

(5) NHTMCP Đông Nam A - CN Thanh Hóa

Hợp đồng tín dụng từng lần số 2135000291/HĐTDTL ngày 17/12/2021

Hạn mức tín dụng 90.000.000.000

Thời hạn cho vay 96 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Mục đích vay Bổ sung vốn để thực hiện Dự án: Nhà máy may xuất khẩu, sản xuất túi xách, giày xuất khẩu Quy Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ

Tài sản đảm bảo gồm Là các tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2135000124/HĐTDTHM ngày 17/12/2021 (như đã trình bày tại mục (2))

Hợp đồng cho vay từng lần số 2129100077/HĐTDTL ngày 19/10/2021

Hạn mức tín dụng 25.000.000.000

60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Mục đích vay Bổ sung vốn để thực hiện Dự án "Cải tạo, nâng cấp sửa chữa nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn"

Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ

Tài sản đảm bảo gồm + Quyền sử dụng đất thuê trả tiền 1 lần và toàn bộ công trình xây dựng nhà máy may xuất khẩu Trâu Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020

Tại sản phẩm bảo gồm

+ Toàn bộ công trình trên đất hình thành từ vốn vay thuộc dự án Nhà máy may Xuất khẩu Triêu Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 589107
 + Hệ thông máy móc thiết bị, động sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án Nhà máy may Xuất khẩu Triêu Sơn và các máy móc, thiết bị khác thuộc sở hữu của Công ty
 + Hợp đồng tiền gửi số: HDTG20180102TS01 tại SeABank ngày 02/02/2018
 + Hệ thông máy móc thiết bị, máy chung dùng cho ngành may công nghiệp được lắp đặt tại Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà

(6) Nợ thuế tài chính

Hợp đồng	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	VND	Đặt cọc	Tài sản thuế	VND
C23035912 ngày 27/04/2023	3.486.751.607	169.827.162	Máy thiết bị may	Máy thiết bị may	174.337.580
C230344212 ngày 05/04/2023	3.396.543.241	174.337.580	Máy thiết bị may	Máy thiết bị may	174.337.580
	6.883.294.848	344.164.742			344.164.742
					-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa
 Địa chỉ: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
 Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	VND 638.014.890.000	VND (210.000.000)	VND 18.000.000	VND 439.500.000	VND 23.331.984.778	VND 661.594.374.778
Lãi trong năm	-	-	-	-	89.028.136.264	89.028.136.264
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(19.140.446.700)	(19.140.446.700)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	638.014.890.000	(210.000.000)	18.000.000	439.500.000	93.219.674.342	731.482.064.342
Số dư đầu năm nay	638.014.890.000	(210.000.000)	18.000.000	439.500.000	93.219.674.342	731.482.064.342
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.313.541.880	1.313.541.880
Số dư cuối kỳ này	638.014.890.000	(210.000.000)	18.000.000	439.500.000	94.533.216.222	732.795.606.222

39. BẢO CÁO BỘ PHẬN

Phụ lục 05

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

TT	Năm nay	May gia công	Thương mại	Cho thuê xưởng	Kinh doanh khách sạn và Kinh doanh khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	60.336.264,653	207.077.908,301	20.108.276,000	75.829,937	287.598.278,891		287.598.278,891
2	Doanh thu thuần nội bộ							
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	52.481.748,132	194.442.978,580	16.934,077,757	31.153,045	263.889,957,514		263.889,957,514
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ					9.611,370,913		9.611,370,913
5	Tổng công chi phí(3+4)	52.481.748,132	194.442.978,580	16.934,077,757	31.153,045	273.501,328,427		273.501,328,427
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					14.096,950,464		14.096,950,464
6	Chi mua TSCĐ							
7	Tài sản bộ phận không phân bổ							1.021.741,259,598
8	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ							288,945,653,376

Đơn vị tính: đồng

b) Báo cáo theo khu vực địa lý

TT	Năm nay	Thanh Hóa	Đặc Lặc	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	267.490.002,891		267.490.002,891		267.490.002,891
Trong đó						
D/Thu Gia công		60.336.264,653		60.336.264,653		60.336.264,653
D/Thu thương mại		207.077.908,301		207.077.908,301		207.077.908,301
D/Thu CC dịch vụ		75.829,937		75.829,937		75.829,937
Giá vốn		263.889,957,514		263.889,957,514		263.889,957,514
Lợi nhuận thuần		3.600,045,377		3.600,045,377		3.600,045,377
Chi mua TSCĐ						

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn
thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

40.3 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC PHỤ LỤC SỐ 06

TT	Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		461.647.162	481.414.018
1	Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	37.348.200	37.270.419
2	Ông Trịnh Xuân Lượng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	128.858.200	127.270.419
3	Ông Trịnh Văn Dương	Ủy viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc	152.808.200	151.270.419
4	Ông Lê Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT	32.338.800	71.700.419
5	Ông Lương Văn Quyết	Ủy viên HĐQT	29.074.023	
6	Ông Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	81.219.739	93.902.342

INH GIÁ ASCO

**CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN
THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 1508-1/2023/CV-AAT

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa

- Mã chứng khoán: AAT

- Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, P. Bắc Sơn, TX. Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại liên hệ: (84-237) 3770.304 Fax: (84-237) 3772.064

- E-mail: congtytiensonth@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023.

- Công văn giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính bán niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/8/2023 tại đường dẫn <http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023.

- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Đại diện tổ chức
Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Trang

Số: 15.08/2023/CV-AAT

(V/v: Giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận
Báo cáo tài chính bán niên năm 2023)

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị: Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa.
Mã chứng khoán: AAT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800222245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 22/07/1995, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 12/05/2022

Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0237. 3770 304 Fax: 0237. 3772 064

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về các nội dung trong công văn như sau:

Tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1/ Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	110.608.849.573	1.872.853.276	(98.31%)
Lợi nhuận sau thuế	88.345.551.854	1.313.541.880	(98.51%)

2/ Nguyên nhân:

6 tháng đầu năm 2022 Công ty phát sinh doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư (giá chuyển nhượng Nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn 280.9 tỷ, lợi nhuận gộp từ hoạt động này là 105 tỷ); 6 tháng đầu Năm 2023 công ty không phát sinh chuyển nhượng bất động sản, Mặt khác do lạm phát, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp nhiều khó khăn; ngành may mặc chịu tác động suy giảm các đơn hàng cả về số lượng và đơn giá trong khi giá vốn không giảm tương ứng, mặt khác chi phí lãi vay tăng; Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 50,13% so với 6 tháng đầu năm 2022 dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 98,51% so với 6 tháng đầu năm 2022. Đây là một số nguyên nhân chính dẫn đến LNST của Công ty giảm so với 6 tháng đầu năm 2022.

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT ./.

PCT THƯỜNG TRỰC HĐQT



Trịnh Xuân Lượng